

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần C.I. Xây dựng Đảng

Ngày thi: 21/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Hoàng Văn Khỏe	7,50	Bảy phẩy năm
2	Đàm Thị Bằng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	42	Bế Thị Kiều	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Nông Thị Bé	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Thị Biền	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Lục Thị Thúy Lâm	8,00	Tám
5	Nguyễn Đình Chinh	6,00	Sáu	45	Nông Minh Lệ	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Bế Đặng Chính	8,00	Tám	46	Nông Thị Linh	7,00	Bảy
7	Phan Mạnh Cường	6,50	Sáu phẩy năm	47	Hứa Thị Loan	7,00	Bảy
8	Hà Thị Diệp	8,50	Tám phẩy năm	48	Lý Thị Minh	5,50	Năm phẩy năm
9	Nông Văn Đạt	7,00	Bảy	49	Hoàng Thị Minh	7,50	Bảy phẩy năm
10	Bế Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	50	Triệu Quang Mốt	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Tô Văn Dự	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Vương Thị Na	8,00	Tám
12	Hoàng Văn Dẫn	6,00	Sáu	52	Nông Văn Nam	7,00	Bảy
13	Đàm Thị Dung	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
14	Lương Văn Dưỡng	7,00	Bảy	54	Đàm Thị Thanh Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Phan Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	55	Đình Văn Nghĩa	7,00	Bảy
16	Lý Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Nguyễn Thị Ngọc	7,00	Bảy
17	Nông Văn Giang	8,00	Tám	57	Đình Thị Nguyệt	8,00	Tám
18	Triệu Thị Hạ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Lục Thị Nhung	8,00	Tám
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8,00	Tám	59	Đàm Thị Niêm	8,00	Tám
20	Lý Thị Hằng	8,00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
21	Lã Thị Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	61	Nguyễn Lệ Quyên	8,00	Tám
22	Đình Thị Hậu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Hoàng Thị Tầm	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Ma Văn Hiến	7,00	Bảy	63	Đàm Hồng Tân	8,00	Tám
24	Nguyễn Thị Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	64	Đàm Văn Thắng	6,50	Sáu phẩy năm
25	Lưu Diệu Hoa	8,00	Tám	65	Đinh Phương Thảo	7,00	Bảy
26	Lương Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Mông Thị Thảo	8,00	Tám
27	Lục Thị Hoài	7,00	Bảy	67	Nông Bích Thu	7,50	Bảy phẩy năm
28	Nguyễn Thị Hoan	8,00	Tám	68	Triệu Minh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
29	Hà Ngọc Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	69	Đàm Thị Thuyền	8,00	Tám
30	Hà Thị Hồng	8,00	Tám	70	Bế Thị Tiềm	7,00	Bảy
31	Phạm Thị Huân	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Nông Thị Tiến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
32	Nông Thị Huệ	8,00	Tám	72	Đỗ Văn Tĩnh	7,00	Bảy
33	Mông Thị Huệ	8,00	Tám	73	Hoàng Thu Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
34	Triệu Thị Thu Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	74	La Thị Huyền Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Bế Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	75	Đỗ Thu Trang	8,00	Tám
36	Đinh Thị Huệ	8,00	Tám	76	Bế Văn Tư	7,00	Bảy
37	Ma Thúy Hường	8,00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyền	8,25	Tám phẩy hai năm
38	Hoàng Quang Huy	8,00	Tám	78	Mã Thị Út	8,25	Tám phẩy hai năm
39	Hoàng Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7,50	Bảy phẩy năm
40	Lục Thị Huyền	8,00	Tám	80	Đàm Thị Vui	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 14 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 7,75: 08 điểm; Điểm 8,00: 24 điểm; Điểm 8,25: 04 điểm; Điểm 8,50: 01 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Triệu Văn Lượng**



**Đoàn Thị Vân Thúy**



**Hoàng Việt Hưng**